

**BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN BẠCH MAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 5120/BM-VTTTBYT
V/v hiệu chuẩn trang thiết bị tại phòng
xét nghiệm theo yêu cầu ISO 15189

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ thực hiện hiệu chuẩn trang thiết bị tại phòng xét nghiệm theo quy định tiêu chuẩn ISO 15189.

Trước hết Bệnh viện Bạch Mai xin trân trọng cảm ơn các đơn vị đã hợp tác với Bệnh viện trong suốt thời gian qua.

Hiện tại Bệnh viện Bạch Mai đang có nhu cầu hiệu chuẩn trang thiết bị tại phòng xét nghiệm theo yêu cầu ISO 15189 cho mạng lưới Labo xét nghiệm của Bệnh viện Bạch Mai. Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm.

Để có cơ sở lập dự toán và giá gói thầu, Bệnh viện Bạch Mai kính mời các đơn vị quan tâm, có năng lực và tư cách pháp nhân hiệu chuẩn trang thiết bị tại phòng xét nghiệm theo yêu cầu ISO 15189 cho mạng lưới Labo xét nghiệm của Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện xin mời chào giá theo nội dung sau đây:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bạch Mai
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá Văn phòng Bệnh viện Bạch Mai, SĐT: 0243.8686390
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại bộ phận Văn thư - Văn phòng Bệnh viện Bạch Mai

Địa chỉ: Bộ phận Văn thư – Văn phòng Bệnh viện – Bệnh viện Bạch Mai, số 78 đường Giải Phóng, Phường Kim Liên, Tp. Hà Nội.

- Nhận qua email: Vanphongbvbvbm.vt@bachmai.edu.vn.

- Thời hạn nhận báo giá: từ ngày 05 tháng 08 năm 2025 đến 17h00 ngày 15 tháng 08 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên có thể sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu: **180 ngày kể từ ngày báo giá.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục trang thiết bị phòng xét nghiệm được hiệu chuẩn: Chi tiết theo các phụ lục đính kèm theo.
- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp dịch vụ của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

III. Địa điểm cung cấp dịch vụ, hàng hóa: Bệnh viện Bạch Mai – số 78 đường Giải Phóng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản ... và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.

IV. Thời gian thực hiện dự kiến: Trong vòng ≤ 90 ngày.

V. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:

- Đồng tiền thanh toán: VND
- Thanh toán: Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

VI. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá

- Bảng giá: Mẫu số 01;
- Tài liệu kỹ thuật có liên quan:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh.
 - + Hồ sơ năng lực: Tài liệu chứng minh, chứng nhận... hoặc được cấp phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hiệu chuẩn thiết bị y tế, Hợp đồng tương tự (nếu có),.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTTBYT

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tuấn Tùng

PHỤ LỤC I
CÁC BIỂU MẪU HỒ SƠ BÁO GIÁ
Mẫu số 01

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 5120 /BM-VTTTBYT ngày 05 tháng 08 năm 2025)

BAO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Bạch Mai

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bạch Mai, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của đơn vị cung cấp dịch vụ; trường hợp nhiều đơn vị cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] – Mã số thuế:

Báo giá dịch vụ hiệu chuẩn cho các hàng hoá như sau:

STT	Danh mục trang thiết bị phòng xét nghiệm được hiệu chuẩn	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)	Thành tiền (VND)
1	Hàng hóa 1						
2	Hàng hóa 2						
...	...						

- Giá trên đã bao gồm tất cả các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản liên quan và các loại thuế (VAT), phí theo quy định của pháp luật;
- Báo giá này có hiệu lực trong vòng:.... ngày kể từ ngày..... thángnăm 2025;
- Địa điểm cung cấp dịch vụ: Bệnh viện Bạch Mai – số 78 đường Giải Phóng, Phường Kim Liên, Hà Nội.
- Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:
 - Đồng tiền thanh toán: VNĐ
 - Phương thức thanh toán: chuyển khoản.
- Các hồ sơ gửi kèm:
 - Tài liệu chứng minh, chứng nhận... hoặc được cấp phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hiệu chuẩn thiết bị y tế và phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tài liệu đã cung cấp.
 - Giấy đăng ký hoạt động kinh doanh.

6. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa, dịch vụ nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

7. Thông tin liên hệ của đơn vị báo giá: *[ghi rõ thông tin người phụ trách làm báo giá]*

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp dịch vụ⁽²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp dịch vụ điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp dịch vụ đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, Nhà cung cấp dịch vụ không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú (2).

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

PHỤ LỤC II

Danh mục trang thiết bị phòng xét nghiệm được hiệu chuẩn

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 5120/BM-VTTTBYT ngày 05 tháng 08 năm 2025)

STT	Tên thiết bị	Nội dung thực hiện	Model/Serial	Số lượng
I. Khoa Vi sinh				
1	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)		1
2	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)		1
3	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	ALASKA	1
4	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	VH408W-H6	1
5	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	SANYO	1
6	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	ALASKA	1
7	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	VH-358K(P)	1
8	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	Alaska/Việt Nam	1
9	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	LC-743DB	1
10	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)		1
11	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	LC-743DB	1
12	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	NR BL 381	1

13	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	4148-TRACEABLE	1
14	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	4148-TRACEABLE	1
15	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	NR-B403V-S4	1
16	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	LC-533	1
17	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	NR-BW465XSVN	1
18	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	ETM4407SD-RVN	1
19	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	NR-B403V-S4	1
20	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	VH-359K(P)	1
21	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	NR-BW465XSVN	1
22	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	SL-7C	1
23	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử theo dõi nhiệt độ tủ (2 đến 8 độ)	VH-258K(P)	1
24	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử (-15) đến (-25) độ	SUPERFREEZER 200	1
25	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử (-15) đến (-25) độ	MDF-U537D-PK	1

26	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử (-15) đến (-25) độ cho ngăn đá tủ VS.M.TC.BQ.007	4548-TRACEABLE	1
27	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế điện tử (-15) đến (-25) độ	Alaska	1
28	Nhiệt kế điện tử	HC nhiệt kế ở các điểm 0, -40, -50, -60, -70, -80 độ C	SANYO MDFU3286S	1
29	Nhiệt kế điện tử đo nhiệt độ nước	HC khoảng đo nhiệt độ từ 20 đến 30 độ	DTQ450X	1
30	Nhiệt kế thủy ngân đo nhiệt độ nước	HC khoảng đo nhiệt độ từ 20 đến 30 độ	BS 593 A	1
31	Tủ lạnh bảo quản sinh phẩm	HC tủ đặt ở nhiệt độ 4 độ C	MPR-311D(H)	1
32	Tủ lạnh bảo quản sinh phẩm	HC tủ đặt ở nhiệt độ 4 độ C	MPR-311D(H)	1
33	Tủ bảo quản	HC tủ đặt ở nhiệt độ 4 độ C	Sanyo MIR-553	1
34	Tủ lạnh bảo quản 2-8oC	HC tủ đặt ở nhiệt độ 4 độ C	TSG2305GV	1
35	Tủ Lạnh Âm sâu -40oC	HC tủ đặt ở nhiệt độ -40 độ C	DW-40L278	1
36	Tủ lạnh sâu	HC tủ đặt ở nhiệt độ -60 độ C	SANYO	1
37	Máy đo PH	HC pH kế	HI2211	1
38	Máy ly tâm lạnh đa năng	HC ly tâm ở 3000g và 10 độ C	Heraeus Multifuge X1R	1
39	Máy ly tâm lạnh tốc độ	HC ly tâm ở 3000g và 10 độ C	5910Ri	1

	cao			
40	Tủ an toàn sinh học	HC 6 thử nghiệm của tủ ATSH	NU-540-400E	1
41	Tủ an toàn sinh học	HC 6 thử nghiệm của tủ ATSH	LA2-4A1	1
42	Tủ an toàn sinh học	HC 6 thử nghiệm của tủ ATSH	NU-543-400S	1
43	Nồi hấp tiết trùng	HC 5 thử nghiệm của nồi hấp	KT-40	1
44	Nồi hấp tiết trùng	HC 5 thử nghiệm của nồi hấp	WiseClave WACS-2045	1
45	Nồi hấp tiết trùng	HC 5 thử nghiệm của nồi hấp	CLG-40M	1
46	Nồi hấp tiết trùng	HC 5 thử nghiệm của nồi hấp	HV-85	1
47	Nồi hấp tiết trùng	HC 5 thử nghiệm của nồi hấp	KT-23	1
48	Tủ sấy Memmert	HC tủ sấy cài đặt ở nhiệt độ 180 độ	UF260	1
49	Nồi hấp tiết trùng	HC 5 thử nghiệm của nồi hấp	LAC-5045SP	1
50	Cân điện tử	HC từ 1g đến 1,2kg (11 mức)	SJ1200CE	1
51	Cân 5 số Sartorius	HC 12 mức cân từ 10mg đến 200g	MSE225TP-000-DU	1

52	Áp suất kế	HC từ 960 đến 1060 hPa	736930	1
53	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 18,20,22,24,26,28,30. Độ ẩm: 20%,40%,60%,80%	TRACEABLE	1
54	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 18,20,22,24,26,28,30. Độ ẩm: 20%,40%,60%,80%	TRACEABLE	1
55	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 18,20,22,24,26,28,30. Độ ẩm: 20%,40%,60%,80%	DC-802	1
56	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 18,20,22,24,26,28,30. Độ ẩm: 20%,40%,60%,80%	TRACEABLE	1
57	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 18,20,22,24,26,28,30. Độ ẩm: 20%,40%,60%,80%	Testo Savers 2	1
58	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 18,20,22,24,26,28,30. Độ ẩm: 20%,40%,60%,80%	DHT-1	1
59	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 18,20,22,24,26,28,30. Độ ẩm: 20%,40%,60%,80%	TRACEABLE	1
60	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 18,20,22,24,26,28,30. Độ ẩm: 20%,40%,60%,80%	15-077-963	1
61	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 18,20,22,24,26,28,30. Độ ẩm: 20%,40%,60%,80%	DC-802	1
62	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 18,20,22,24,26,28,30. Độ ẩm: 20%,40%,60%,80%	DC-802	1
63	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 18,20,22,24,26,28,30. Độ ẩm: 20%,40%,60%,80%	DC-802	1

64	Micro pipette 1 kênh 2-20ul	HC mức 2ul, 5ul, 10ul	One Tocch	1
65	Micro pipette 1 kênh 2-20ul	HC mức 2ul, 5ul, 10ul	One Tocch	1
66	Micro pipette 1 kênh 2-20ul	HC mức 2ul, 5ul, 10ul	One Tocch	1
II. Khoa Hóa sinh				
STT	Tên thiết bị	Nội dung thực hiện	Model	Số lượng
1	Máy ly tâm	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay (4000 rpm)		1
2	Máy ly tâm	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay (4000 rpm)		1
3	Máy ly tâm	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay (4000 rpm)		1
4	Máy ly tâm	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay		1
5	Máy ly tâm	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay		1
6	Máy ly tâm	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay (15000 rpm)		1
7	Nhiệt kế điện tử	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
8	Nhiệt kế điện tử	Hiệu chuẩn nhiệt độ (0 đến -40 độ)		1
9	Nhiệt kế điện tử	Hiệu chuẩn nhiệt độ (0 đến -20 độ)		1
10	Nhiệt kế điện tử	Hiệu chuẩn nhiệt độ (0 đến -70 độ)		1
11	Micropipet đơn kênh đa	Hiệu chuẩn dung tích (mức 10 μ l - 50 μ l - 100 μ l)		1

	mức			
12	Micropipet đơn kênh đa mức	Hiệu chuẩn dung tích (mức 100 μ l-500 μ l-1000 μ l)		1
13	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
14	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
15	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
16	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
17	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
18	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
19	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
20	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
21	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
22	Nhiệt ẩm kế cơ	Nhiệt độ: 20-26°C. Độ ẩm: 20%,40%,60%		1
23	Nhiệt kế cơ	Nhiệt độ: 20-26°C. Độ ẩm: 20%,40%,60%		1
24	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
25	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
26	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
27	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1

28	Nhiệt kế điện tử	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
29	Nhiệt kế điện tử	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
30	Nhiệt kế điện tử	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
31	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 19.6-25.4°C Độ ẩm: 20%,40%,60%		1
32	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 19.6-25.4°C Độ ẩm: 20%,40%,60%		1
33	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 19.7-25.8°C Độ ẩm: 20%,40%,60%		1
34	Nhiệt ẩm kế điện tử	Nhiệt độ: 19.7-26°C Độ ẩm: 20%,40%,60%		1
35	Nhiệt kế cơ	Nhiệt độ: 19.7-26°C Độ ẩm: 20%,40%,60%		1
36	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
37	Nhiệt ẩm kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
38	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
39	Nhiệt kế cơ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
40	Nhiệt kế điện tử	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
41	Nhiệt kế điện tử	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
42	Nhiệt kế điện tử	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1

43	Nhiệt kế điện tử	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2 đến 8 độ)		1
III. Trung tâm y học hạt nhân và ung bướu				
STT	Tên thiết bị	Hãng sản xuất	Model/Serial	Số lượng
1	Máy PCR	Hiệu chuẩn nhiệt độ + bảo dưỡng	Verity Dx	1
2	Máy Realtime PCR	Hiệu chuẩn quang học + nhiệt độ + bảo dưỡng	7500 FastDx	1
3	Máy nhân gen tốc độ cao	Hiệu chuẩn nhiệt độ, tốc độ thay đổi nhiệt	Mastercycler pro S	1
4	Hệ thống Real-time PCR	Hiệu chuẩn hệ thống quang học, nhiệt độ, cảm biến, động cơ quay	Roto-gene Q MDx 5plex	1
5	Máy ủ nhiệt kèm lắc rung	Hiệu chuẩn nhiệt độ	ESC-PVC-1	1
6	Máy ủ nhiệt kèm lắc rung	Hiệu chuẩn nhiệt độ	Thermomixer comfort	2
7	Máy đo nồng độ DNA – Nanodrop	Hiệu chuẩn bước sóng, độ hấp thụ, độ tuyến tính, độ lặp lại	Nanodrop one	1
8	Máy định lượng DNA	Hiệu chuẩn độ chính xác tín hiệu huỳnh quang, độ lặp lại, cảm biến quang	Qubit® 3.0	1
9	Máy ly tâm	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay	5810	1
10	Máy ly tâm để bàn	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay	5702	1
11	Máy ly tâm lạnh đa năng để bàn	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay	5430R	1
12	Máy ly tâm đa năng	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay	Allegra X-15R	2

13	Pipet 1000	Hiệu chuẩn dung tích	Research plus	5
14	Pipet 200	Hiệu chuẩn dung tích	Research plus	5
15	Pipet 20	Hiệu chuẩn dung tích	Research plus	5
16	Pipet 10	Hiệu chuẩn dung tích	Research plus	5
17	Pipet 2,5	Hiệu chuẩn dung tích	Research plus	5
18	Tủ mát	Hiệu chuẩn nhiệt độ	LC-743B	5
19	Tủ lạnh sâu - 30	Hiệu chuẩn nhiệt độ	MDF-U334 PE	6
20	Tủ lạnh âm sâu	Hiệu chuẩn nhiệt độ	MDF-594-PB	2
21	Tủ lạnh -80	Hiệu chuẩn nhiệt độ	MDF-U33V-PB	1
22	Kính hiển vi	Hiệu chuẩn	BX43	1
23	Tủ an toàn sinh học cấp II	Thử nghiệm: - Hiệu suất lọc Hepa cấp - Hiệu suất lọc Hepa thải - Hướng dòng khí - Đo tốc độ gió hút vào tủ - Đo độ rơi - Đo cường độ đèn tím - Đo độ ồn	Bio-II-Advance 4	3

24	Tủ an toàn sinh học kèm đèn tiết trùng khí gas tự động	Thử nghiệm: - Hiệu suất lọc Hepa cấp - Hiệu suất lọc Hepa thải - Hướng dòng khí - Đo tốc độ gió hút vào tủ - Đo độ rọi - Đo cường độ đèn tím - Đo độ ồn	AC2-4E1	3
25	Máy cô DNA	Hiệu chuẩn nhiệt độ gia nhiệt, áp suất chân không, tốc độ ly tâm	Concentrator plus	1
26	Buồng ion hóa	Kiểm tra bảo dưỡng	ATOMLAB 100	1
27	Buồng ion hóa	Kiểm tra bảo dưỡng	A1SL – C552 AE Plastic	1
28	Điện kế	Kiểm tra bảo dưỡng	Max 4000	1
29	Máy đo nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt	Kiểm tra bảo dưỡng	IA-V2	1

IV. Trung tâm Huyết học và truyền máu

STT	Tên thiết bị	Nội dung thực hiện	Model/Serial	Số lượng
1	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	3572012	1
2	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	190318460	1

3	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Nhiệt độ: 2, 5, 8, 20, 25, 26 độ. Độ ẩm: 30%,50%,70%	EFG245101241	1
4	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Nhiệt độ: 2, 5, 8, 20, 25, 26 độ. Độ ẩm: 30%,50%,70%	EFG245101243	1
5	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Nhiệt độ: 2, 5, 8, 20, 25, 26 độ. Độ ẩm: 30%,50%,70%	EFG245101232	1
6	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Nhiệt độ: 2, 5, 8, 20, 25, 26 độ. Độ ẩm: 30%,50%,70%	EFG245101233	1
7	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Nhiệt độ: 2, 5, 8, 20, 25, 26 độ. Độ ẩm: 30%,50%,70%	EFG245101240	1
8	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG18BD0165 4	1
9	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG18BD0165 2	1
10	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG18BD0167 2	1
11	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG18BD0166 0	1
12	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Nhiệt độ: 2, 5, 8, 20, 25, 26 độ. Độ ẩm: 30%,50%,70%	EFG245101249	1
13	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG19AG0184 6	1
14	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	3732012	1
15	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (-30, -20, -10 độ)	150608666	1
16	Máy đo nhiệt độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ	150609712	1

	độ, ẩm độ	(2, 5, 8 độ)		
17	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	161216892	1
18	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101236	1
19	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101237	1
20	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (-30, -20, -10 độ)	EFG245101231	1
21	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101246	1
22	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (-30, -20, -10 độ)	EFG245101238	1
23	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101252	1
24	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (-30, -20, -10 độ)	EFG245101234	1
25	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101250	1
26	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101235	1
27	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (-30, -20, -10 độ)	190318482	1
28	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101239	1
29	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101227	1

30	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (-30, -20, -10 độ)	EFG245101229	1
31	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101244	1
32	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101258	1
33	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101230	1
34	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Nhiệt độ: 2, 5, 8, 20, 25, 26 độ. Độ ẩm: 30%,50%,70%	16126706	1
35	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Nhiệt độ: 2, 5, 8, 20, 25, 26 độ. Độ ẩm: 30%,50%,70%	190318893	1
36	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (-30, -20, -10 độ)	150608666	1
37	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (-30, -20, -10 độ)	190318885	1
38	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Nhiệt độ: 2, 5, 8, 20, 25, 26 độ.	190318478	1
39	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Nhiệt độ: 2, 5, 8, 20, 25, 26 độ. Độ ẩm: 30%,50%,70%	EFG245101228	1
40	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Nhiệt độ: 2, 5, 8, 20, 25, 26 độ. Độ ẩm: 30%,50%,70%	EFG245101245	1
41	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101248	1
42	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101242	1
43	Máy đo nhiệt độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ	EFG245101255	1

	độ, ẩm độ	(2, 5, 8 độ)		
44	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	190318881	1
45	Máy đo nhiệt độ, ẩm độ	Hiệu chuẩn nhiệt độ (2, 5, 8 độ)	EFG245101253	1
46	Tủ lạnh SANYO	Hiệu chuẩn nhiệt độ (4 độ)	4S000321	1
47	Tủ mát PANASONIC	Hiệu chuẩn nhiệt độ (4 độ)	730017	1
48	Tủ lạnh pHCBi	Hiệu chuẩn nhiệt độ (4 độ)	19020062	1
49	Tủ mát PANASONIC	Hiệu chuẩn nhiệt độ (4 độ)	730128	1
50	Tủ lạnh pHCBi	Hiệu chuẩn nhiệt độ (4 độ)	19080109	1
51	Tủ mát SANYO	Hiệu chuẩn nhiệt độ (4 độ)	06820AP10935	1
52	Tủ mát ALASKA	Hiệu chuẩn nhiệt độ (4 độ)	5612SH4013	1
53	Tủ lạnh âm sâu	Hiệu chuẩn nhiệt độ (-90, -70, -50 độ)	9010023	1
54	Tủ lạnh âm sâu	Hiệu chuẩn nhiệt độ (- 30, -20, -10 độ)	9070198	1
55	Tủ mát	Hiệu chuẩn nhiệt độ (4 độ)	224190100-131	1
56	Tủ mát	Hiệu chuẩn nhiệt độ (4 độ)	224190100-150	1

57	Tủ mát	Hiệu chuẩn nhiệt độ (4 độ)	25367QBP0050 997X	1
58	Tủ mát	Hiệu chuẩn nhiệt độ (4 độ)	730131	1
59	Tủ mát Phcbi	Hiệu chuẩn nhiệt độ (4 độ)	19020058	1
60	Micropipet BIOHIT	Hiệu chuẩn dung tích (10, 50 μ l)	AU43325	1
61	Micropipet BIOHIT	Hiệu chuẩn dung tích (10, 100 μ l)	AU29971	1
62	Micropipet CORNING	Hiệu chuẩn dung tích (10, 20 μ l)	258240250	1
63	Micropipet CORNING	Hiệu chuẩn dung tích (500, 1000 μ l)	958260945	1
64	Micropipet CORNING	Hiệu chuẩn dung tích (10, 100 μ l)	25840222	1
65	Micropipet	Hiệu chuẩn dung tích (1, 5, 10 μ l)	127105	1
66	Micropipet	Hiệu chuẩn dung tích (1, 5, 10 μ l)	46621	1
67	Micropipet	Hiệu chuẩn dung tích (100, 500, 1000 μ l)	243860060	1
68	Micropipet	Hiệu chuẩn dung tích (100, 1000 μ l)	3820949	1
69	Micropipet	Hiệu chuẩn dung tích (20, 200 μ l)	3994079	1
70	Micropipet	Hiệu chuẩn dung tích (10, 100 μ l)	3943979	1
71	Micropipet	Hiệu chuẩn dung tích (2, 20 μ l)	3682638	1
72	Máy ly tâm	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay	PC201912004	1

73	Máy ly tâm	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay	PC201912005	1
74	Máy ly tâm	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay	0039938-04	1
75	Máy ly tâm	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay	009805-11	1
76	Máy ly tâm	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay	0006193	1
77	Máy ly tâm LABOFUGE	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay	40578844	1
78	Máy ly tâm ROTOFIX	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay	0030505-04	1
79	Máy ly tâm ROTOFIX	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay	0030503-04	1
80	Máy ly tâm lạnh để bàn	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay và nhiệt độ	5407YL128899	1
81	Máy ly tâm lạnh cỡ lớn	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay và nhiệt độ	5811YP545010	1